

**KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số xã Đồng Lạc năm 2025**

Thực hiện Kế hoạch số 289/KH-UBND ngày 09/12/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn về “Chuyển đổi số huyện Chợ Đồn” năm 2025.

Ủy ban nhân dân xã Đồng Lạc xây dựng kế hoạch chuyển đổi số năm 2025, cụ thể như sau:

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 2323/QĐ-BTTTT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam phiên bản 2.0;

- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

- Công điện số 33/CD-TTg ngày 07/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo đảm an toàn thông tin mạng;

- Nghị quyết số 428-NQ/BCSD ngày 22/9/2022 của Ban cán sự đảng UBND tỉnh Bắc Kạn về thúc đẩy hoạt động phát triển kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 06/5/2019 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến năm 2025;

- Quyết định số 1189/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Bắc Kạn, phiên bản 2;0;

- Quyết định số 1811/QĐ-UBND ngày 07/10/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021- 2025;

- Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 26/3/2021 của UBND tỉnh Bắc Kạn về đào tạo, bồi dưỡng an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 1655/QĐ-UBND ngày 07/8/2021 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Đề án đảm bảo hạ tầng ngành thông tin và truyền thông tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 1473/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Kế hoạch phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 155/KH-UBND ngày 14/3/2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn về triển khai thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

- Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 26/4/2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt Đề án tổng thể chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 278/KH-UBND ngày 25/4/2023 của UBND tỉnh Bắc Kạn về triển khai thực hiện Đề án tổng thể chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 742/KH-UBND ngày 12/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn năm 2025;

- Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 15/6/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn về việc Triển khai Đề án tổng thể chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Chợ Đồn.

- Quyết định số 3888/QĐ-UBND ngày 19/12/2024 của Ủy ban nhân dân huyện về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2025.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung:

- Tập trung đầu tư phát triển hạ tầng dùng chung (bao gồm: Hạ tầng kỹ thuật, các nền tảng, phần mềm dùng chung, an toàn thông tin) để đảm bảo đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu của các đơn vị, địa phương và kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu với huyện, tỉnh và các Bộ, ngành Trung ương.

- Phát triển dữ liệu số; nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước; chuyển đổi nhận thức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền số, thúc đẩy phát triển kinh tế số, từng bước hình thành công dân số, xã hội số gắn với công tác đảm bảo an toàn thông tin trong chuyển đổi số, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, cải cách hành chính, chỉ số chuyển đổi số.

2. Mục tiêu cụ thể: Theo Phụ lục 01 của Kế hoạch này.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Chuyển đổi số trong nhận thức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:

- Cấp ủy, chính quyền cần tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh, huyện về chuyển đổi số. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong triển khai hoạt động chuyển đổi số; gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với nghị quyết, chương trình, kế hoạch hành động, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của xã; lấy kết quả triển khai thực hiện chuyển đổi số làm tiêu chí để đánh giá xếp loại công chức, viên chức và bình xét thi đua - khen thưởng hằng năm.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chuyển đổi số để tiếp tục nâng cao nhận thức cho người dân về vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của chuyển đổi số trong thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả công tác, chất lượng đời sống nhân dân để tạo sự đồng thuận, thống nhất cao trong triển khai thực hiện; chú trọng việc chia sẻ các cách làm hay trong chuyển đổi số tại các cơ quan, địa phương khác trong, ngoài tỉnh và trong xã để áp dụng khi phù hợp; phát hiện, tôn vinh, phổ biến, bài học, mô hình chuyển đổi số hay.

- Thúc đẩy các hoạt động đào tạo, tập huấn, học tập nghiêm túc trên nền tảng học trực tuyến đại trà để nâng cao nhận thức, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp.

2. Thể chế, chính sách:

- Tiếp tục ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành tạo hành lang pháp lý thuận lợi để phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và bảo đảm an toàn thông tin trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn xã.

- Nghiên cứu, tạo điều kiện cho doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn xã đồng hành cùng chính quyền các cấp trong công cuộc chuyển đổi số; huy động nguồn lực doanh nghiệp thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số CNTT trên địa bàn xã phát triển.

- Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cơ sở hạ tầng CNTT, viễn thông; khuyến khích, sẵn sàng thử nghiệm các ứng dụng CNTT, các mô hình quản lý, sản xuất, kinh doanh có hiệu quả.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai cung cấp dữ liệu mở lần đầu của các ngành, lĩnh vực phục vụ các ngành, lĩnh vực khác, các doanh nghiệp để đóng góp vào sự phát triển của doanh nghiệp, phát triển kinh tế - xã hội.

3. Hoàn thiện đảm bảo hạ tầng số:

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật đảm bảo ứng dụng CNTT trong nội bộ các cơ quan Nhà nước: trang thiết bị CNTT; hạ tầng mạng LAN; mạng Internet tốc độ cao để sẵn sàng kết nối mạng diện rộng (WAN) của tỉnh; duy trì, nâng cấp hệ thống truyền hình trực tuyến các cấp đảm bảo phục vụ tốt cho công tác họp trực tuyến.

- Tiếp tục vận động, triển khai chương trình phổ cập điện thoại thông minh cho người dân để tiến tới mục tiêu: Mỗi người dân trưởng thành có một điện thoại thông minh, mỗi hộ gia đình có khả năng tiếp cận một đường Internet cáp quang băng rộng.

- Đề nghị các doanh nghiệp viễn thông nghiên cứu, triển khai các giải pháp nhằm đảm bảo chất lượng đường truyền, dịch vụ mạng; từng bước phủ sóng, giảm tình trạng lùm sóng, sóng không ổn định nhất là tại khu vực vùng sâu, vùng xa.

4. Dữ liệu số

- Kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, CSDL do tỉnh triển khai nhằm khai thác hiệu quả dữ liệu, đồng thời, hình thành nên các CSDL lớn, chính xác phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành các cấp.

- Tiếp tục xây dựng hoàn thiện các CSDL chuyên ngành, đảm bảo cập nhật dữ liệu “*Đúng - đủ - sạch - sống*”; thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu, cung cấp dữ liệu mở theo quy định.

5. Đảm bảo an toàn thông tin mạng

- Tham gia các chương trình diễn tập, tập huấn bảo đảm ATTT mạng theo quy định; bổ sung và phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ; triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo Hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt.

- Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ an toàn thông tin theo quy định.

- Duy trì và đảm bảo các trang/cổng TTĐT của cơ quan nhà nước được đánh giá và gán nhãn tín nhiệm mạng.

6. Chính quyền số:

- Nâng cao hiệu quả dịch vụ công trực tuyến, nâng cao trải nghiệm của người dùng với các dịch vụ công trực tuyến thiết yếu, nhiều người dùng. Công khai theo thời gian thực các số liệu liên quan đến cung cấp, sử dụng DVCTT, đảm bảo kết nối, đồng bộ dữ liệu chính xác với các hệ thống giám sát của Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Duy trì sử dụng có hiệu quả các hệ thống thông tin đã triển khai; thường xuyên theo dõi, nâng cấp, hoàn thiện các hệ thống đáp ứng các quy định và nhu cầu khai thác sử dụng của người dùng. Thực hiện việc kết nối, chia sẻ dữ liệu, đồng bộ, thu thập dữ liệu với các hệ thống có liên quan.

- Thúc đẩy chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực, đặc biệt là các lĩnh vực ưu tiên theo Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 26/4/2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt Đề án tổng thể chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022 -2025, định hướng đến năm 2030.

- Duy trì các ứng dụng, cung cấp và hỗ trợ thông tin cho người dân, doanh nghiệp; triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến.

7. Kinh tế số:

- Thúc đẩy các hoạt động giao dịch trực tuyến không dùng tiền mặt.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho đảng viên, cán bộ, công chức, nhất là người đứng đầu cơ quan, tổ chức, các doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân về kinh tế số; chú trọng việc khơi gợi tinh thần chủ động, quyết tâm thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số trong mỗi người dân, doanh nghiệp.

- Thúc đẩy, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp công nghệ số tham gia hoạt động trên địa bàn xã; việc mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở theo quy định cho các doanh nghiệp có nhu cầu được khai thác, sử dụng.

8. Xã hội số:

- Nâng cao tỷ lệ người dùng Internet, điện thoại thông minh.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng cấp xã, cấp thôn trên địa bàn thông qua các đợt tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số.

- Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng, đoàn thanh niên trong tuyên truyền, hỗ trợ người dân sử dụng các ứng dụng số cơ bản, thiết thực hiện nay như: Thúc đẩy người dân thiết lập tài khoản VneID, đặc biệt là định danh điện tử mức độ 2; cài đặt tài khoản DVCTT và tài khoản thanh toán trực tuyến...

- Tiếp tục phối hợp với các đoàn thể triển khai các hoạt động tuyên truyền, nâng cao kỹ năng số cho người dân.

- Tiếp tục thu hút sự tham gia đồng bộ của các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin, ngân hàng vào các hoạt động triển khai các ứng dụng số thiết thực, phù hợp cho người dân.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Thực hiện theo quy định hiện hành.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban chỉ đạo Chuyển đổi số:

Chủ động nghiên cứu, tham mưu đề xuất cho UBND, Chủ tịch UBND xã chỉ đạo, triển khai thực hiện thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số, gắn kết chặt chẽ với cải cách hành chính; xây dựng, phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và các chức năng, nhiệm vụ được quy định.

Chỉ đạo Tổ công nghệ số cộng đồng thực hiện có hiệu quả mục tiêu, yêu cầu của các cấp về chuyển đổi số.

2. Giao nhiệm vụ tham mưu thực hiện công tác chuyển đổi số:

- *Công chức Văn phòng - Thống kê:*

- + Chủ động phối hợp, hướng dẫn, tư vấn, theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị, địa phương được giao tại Kế hoạch; kịp thời nắm bắt, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị, địa phương, trường hợp vượt thẩm quyền báo cáo UBND xã, Chủ tịch UBND xã xem xét, giải quyết.

- + Phối hợp với công chức Tài chính – Kế toán xây dựng dự toán kinh phí cụ thể cho các dự án, nhiệm vụ Chuyển đổi số triển khai trên phạm vi toàn xã.

- + Hướng dẫn các công chức chuyên môn thực hiện việc rà soát, đánh giá TTHC, trong đó tập trung vào việc đơn giản hoá TTHC trên cơ sở liên thông điện tử và tái sử dụng dữ liệu để xây dựng, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc lấy người dùng làm trung tâm.

- + Tiếp tục tham mưu, triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 635/KH-UBND ngày 10/10/2022 của UBND tỉnh về phát động phong trào thi đua “Bắc Kạn đẩy mạnh chương trình chuyển đổi số giai đoạn 2022 - 2025” nhằm kịp thời tuyên dương, động viên các tập thể, cá nhân tiêu biểu trong công tác chuyển đổi số.

- + Thực hiện việc tổng hợp, thống kê và cung cấp các báo cáo, số liệu về các chỉ số chuyển đổi số của xã, tổng hợp đảm bảo kịp thời và đầy đủ.

- *Công chức Văn hóa – Xã hội phụ trách Văn hóa thông tin, Đài truyền thanh:* Đẩy mạnh công tác thông tin, xây dựng các tin, bài tuyên truyền nâng cao

nhận thức cho người dân và cán bộ cấp xã về chuyển đổi số, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt.

- *Các công chức chuyên môn:* Tăng cường ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, điều hành, phục vụ đời sống kinh tế - xã hội, đảm bảo mục tiêu tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng; triển khai các ứng dụng phục vụ quản lý, điều hành như quản lý thông tin nhân khẩu, hộ gia đình trên địa bàn, quản lý các chính sách an sinh xã hội, xây dựng kênh trao đổi, tương tác trực tuyến giữa chính quyền cấp xã và Nhân dân, bản tin điện tử của UBND xã qua ứng dụng trên điện thoại thông minh.

- *Tổ Công nghệ số cộng đồng cấp xã:* Tham mưu thực hiện có hiệu quả các nội dung chuyển đổi số theo sự chỉ đạo của các cấp và Ban chỉ đạo Chuyển đổi số xã. Triển khai hướng dẫn, hỗ trợ các Tổ công nghệ số cộng đồng cấp thôn các nội dung về chuyển đổi số phù hợp với tình hình thực tế địa phương, đặc biệt tuyên truyền và hướng dẫn việc sử dụng Dịch vụ công trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính.

- *Tài chính – Kế toán:* Tham mưu cân đối bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch này theo thứ tự ưu tiên, phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng.

- *Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội:* Phối hợp tổ chức các hoạt động tuyên truyền, hỗ trợ đoàn viên/hội viên và nhân dân nâng cao nhận thức, kỹ năng số và khai thác các ứng dụng số phù hợp, đảm bảo an toàn thông tin mạng.

- *Đoàn Thanh niên xã Đồng Lạc:* quan tâm phối hợp thúc đẩy triển khai các hoạt động tuyên truyền, hỗ trợ chuyển đổi số; phát huy hiệu quả vai trò của lực lượng đoàn viên thanh niên nòng cốt đã tập huấn năm 2024.

Trên đây là Kế hoạch Chuyển đổi số xã Đồng Lạc năm 2025. Yêu cầu các ban, ngành, đoàn thể xã; cán bộ, công chức xã và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện đúng quy định, hiệu quả. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc, các đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Văn phòng - Thống kê để tổng hợp, báo cáo UBND xã, Chủ tịch UBND xã xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- UBND huyện;
- Phòng VH-TT huyện;
- LĐ ĐU-HĐND-UBND xã;
- Các trường học;
- Trạm Y tế;
- CBCC xã;

Gửi bản giấy:

- 06/06 thôn;
- Đơn vị không có HSCV;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Triệu Văn Tuyên

Phụ lục 01:
CHỈ TIÊU CƠ BẢN VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ XÃ ĐỒNG LẠC NĂM 2025
(Kèm theo Kế hoạch số: _____ /KH-UBND ngày 14/01/2025 của UBND xã Đồng Lạc)

STT	Chỉ tiêu chiến lược Chính quyền số	Chỉ tiêu	Ghi chú
1	Chính quyền số		
1.1	Tỷ lệ cung cấp DVCTT được cung cấp thành DVCTT toàn trình	$\geq 80\%$	Số lượng DVCTT toàn trình/Tổng số DVCTT
1.2	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ trực tuyến trên tổng số dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	90%	Số lượng DVCTT phát sinh hồ sơ trực tuyến/Tổng số DVCTT phát sinh hồ sơ
1.3	Tỷ lệ hồ sơ phát sinh trực tuyến toàn trình trên tổng số hồ sơ phát sinh của các DVCTT	100%	Số lượng hồ sơ phát sinh trực tuyến toàn trình/Tổng số hồ sơ phát sinh (trực tuyến + trực tiếp) của các DVCTT
	Tỷ lệ hồ sơ phát sinh trực tuyến một phần trên tổng số hồ sơ phát sinh của các DVCTT	80%	Số lượng hồ sơ phát sinh trực tuyến một phần/Tổng số hồ sơ phát sinh (trực tuyến + trực tiếp) của các DVCTT
1.4	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, khi sử dụng được điền sẵn dữ liệu mà người dùng đã cung cấp trước đó theo thỏa thuận, phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ	30%	Số lượng DVCTT được thiết kế, thiết kế lại/Số lượng DVCTT
1.5	Tỷ lệ số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC	100%	Số lượng hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hoá trên hệ thống phần mềm Một cửa điện tử
1.6	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật (<i>cấp tỉnh, xã, xã</i>)	100%	Số lượng văn bản gửi đi được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng/Tổng số văn bản đi của đơn vị (<i>trừ văn bản mật</i>)
1.7	Tỷ lệ công tác báo cáo được thực hiện trên Hệ thống báo cáo của tỉnh và kết nối với hệ thống thông tin báo cáo quốc gia, Trung tâm điều hành thông minh	100%	
1.8	Tỷ lệ cán bộ, công chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản	80%	Số lượng cán bộ, công chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản/Tổng số cán bộ, công chức, UBND xã
1.9	Tỷ lệ cuộc họp của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể (trừ các cuộc họp mật) được tổ chức trực tuyến	80%	
2	Kinh tế số		
2.1	Tỷ trọng kinh tế số trên GRDP	11%	
2.2	Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ	5%	
3	Xã hội số		
3.1	Tỷ lệ phủ của hạ tầng mạng băng rộng cáp quang tại các hộ gia đình	76%	Số hộ gia đình sử dụng mạng băng rộng cáp quang/Tổng số hộ gia đình

STT	Chỉ tiêu chiến lược Chính quyền số	Chỉ tiêu	Ghi chú
			trên địa bàn
3.2	Tỷ lệ thuê bao di động sử dụng điện thoại thông minh	85%	Tỷ lệ người dùng smartphone/người dùng điện thoại di động
3.3	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử	60%	
3.4	Tỷ lệ người dân có hồ sơ số về sức khỏe cá nhân	98%	
4	Đảm bảo An toàn thông tin mạng		
4.1	Tỷ lệ các trang, cổng thông tin điện tử của cơ quan được đánh giá an toàn thông tin và gắn nhãn tín nhiệm mạng	100%	
4.2	Tỷ lệ hệ thống thông tin của cơ quan hoàn thành phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin	100%	